

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN
CẤP TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 148/BB-QLKH

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 6 năm 2026

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN, ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ, CÁ NHÂN CHỦ
NHIỆM THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

A. Thông tin chung:

1. Tên đề tài: Xây dựng chỉ dẫn địa lý “La Hiên” cho sản phẩm quả na của tỉnh Thái Nguyên.

2. Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: Số 288/QĐ-SKHCN ngày 18/6/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

3. Địa điểm và thời gian:

- Địa điểm: Phòng họp tầng 2, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thời gian: Từ 8h00 đến 11h00 ngày 25/6/2026 (thứ Năm).

4. Số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt trên tổng số thành viên: 07/07 người.

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
1	ThS. Hoàng Văn Thiên	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Thị Thủy	Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Phó Chủ tịch
3	TS. Nguyễn Hữu Cẩn	Giám đốc Viện Sở hữu trí tuệ Quốc gia	Ủy viên, phản biện 1
4	TS. Nguyễn Văn Dũng	Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Rau quả, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Ủy viên, phản biện 2
5	PGS.TS. Đỗ Thị Thuý Phương	Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	Ủy viên
6	ThS. Dương Sơn Hà	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy viên
7	ThS. Tạ Ngọc Minh	Trưởng Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ	Ủy viên

(Thư ký hành chính: ThS. Triệu Thị Huệ - Chuyên viên Phòng Quản lý khoa học,
Sở Khoa học và Công nghệ)

* Đại biểu tham dự:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Đào Thị Phương Thảo	Sở KH&CN Thái Nguyên	
2	Nông Thị Nơi	Sở KH&CN Thái Nguyên	
3	Nguyễn Văn Dẫn	Sở KH&CN Thái Nguyên	

5. Hội đồng nhất trí cử Ông Tạ Ngọc Minh là Thư ký khoa học của hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng

1. Ông Tạ Ngọc Minh - Ủy viên, Thư ký khoa học thông qua Quyết định số 288/QĐ-SKHCN ngày 18/6/2026 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp, thống nhất nguyên tắc, chương trình làm việc.

3. Các uỷ viên phản biện trình bày nhận xét, các uỷ viên hội đồng nhận xét, đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn (*có chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

4. Thư ký khoa học ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản cuộc họp.

C. Bỏ phiếu đánh giá

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: Đ/c Tạ Ngọc Minh
- Thành viên: Đ/c Nguyễn Hữu Cẩn
- Thành viên: Đ/c Đỗ Thị Thuý Phương

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký:

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN trong biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu: 07/07 thành viên của Hội đồng đã bỏ phiếu, số điểm trung bình của các hồ sơ, cụ thể:

- Hồ sơ của Viện Thổ nhưỡng Nông hoá - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. Số điểm trung bình là: **82,28 điểm**.

- Hồ sơ của Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK. Số điểm trung bình là: **72,71 điểm**.

Căn cứ kết quả bỏ phiếu, Hội đồng kiến nghị tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm sau đây trúng tuyển chủ trì đề tài nêu trên như sau:

- Tên tổ chức: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

- Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: ThS. Nguyễn Văn Hồng.

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng

1. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi

(1) *Tên nhiệm vụ*: Không điều chỉnh

(2) *Mục tiêu nhiệm vụ*: Rà soát, bổ sung mục tiêu tại thuyết minh của đề tài theo đặt hàng của UBND tỉnh (Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 19/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2026 (đợt 2)).

(3) *Các nội dung chính thực hiện*: Rà soát, hoàn thiện nội dung đồng bộ với mục tiêu của đề tài đồng thời bám sát nội dung đặt hàng của tỉnh. Tiếp thu tối đa các ý kiến của thành viên Hội đồng.

(4) *Sản phẩm của nhiệm vụ*: Rà soát, hoàn thiện số lượng và các chỉ tiêu đối với sản phẩm khoa học của đề tài bám sát đặt hàng của tỉnh.

(5) *Số lượng chuyên gia cần thiết tham gia thực hiện*: Không điều chỉnh

a) *Khoản chi đến sản phẩm cuối cùng* ☐

b) *Khoản chi từng phần* ☒

2. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ:

☒ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Kết luận của Hội đồng

Hội đồng thống nhất các nội dung chính như sau:

- Tên đề tài: ***Xây dựng chỉ dẫn địa lý “La Hiên” cho sản phẩm quả na của tỉnh Thái Nguyên.***

- Mã số đề tài là: **ĐT/XH/42/2026**

- Thời gian thực hiện: **24 tháng** (theo đặt hàng).

- Căn cứ kết quả đánh giá, hội đồng nhất trí lựa chọn tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển:

+ Tên tổ chức chủ trì: **Viện Thổ nhưỡng Nông hoá - Viện Khoa học**

Nông nghiệp Việt Nam.

+ Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: **ThS. Nguyễn Văn Hồng.**

- Hội đồng đề nghị tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài nghiêm túc tiếp thu đầy đủ các ý kiến của Hội đồng (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*), trong đó tập trung hoàn thiện các nội dung sau:

+ Rà soát, cập nhật và bổ sung phần tổng quan nghiên cứu theo hướng có chọn lọc; làm rõ khoảng trống khoa học, cơ sở thực tiễn và sự cần thiết của việc xây dựng chỉ dẫn địa lý "La Hiên" đối với sản phẩm na trong bối cảnh đã được bảo hộ nhãn hiệu tập thể.

+ Bổ sung hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá về đặc điểm hình thái, cảm quan, thành phần lý hóa, chất lượng quả, điều kiện đất đai, khí hậu, địa hình, thủy văn và kỹ thuật canh tác. Làm rõ phương pháp nghiên cứu, phương án lấy mẫu, số lượng mẫu, vùng đối chứng, phương pháp xử lý số liệu và các tiêu chuẩn áp dụng.

+ Rà soát, xác định phạm vi khu vực địa lý đề nghị bảo hộ, bảo đảm phù hợp với tên gọi "La Hiên", danh tiếng của sản phẩm, điều kiện sản xuất thực tế và yêu cầu quản lý, kiểm soát sau khi chỉ dẫn địa lý được bảo hộ.

+ Xác định rõ chủ thể đăng ký, tổ chức quản lý, cơ chế cấp quyền sử dụng, kiểm soát nội bộ, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm duy trì hệ thống quản lý sau khi nhiệm vụ kết thúc. Đồng thời, rà soát, xử lý phù hợp mối quan hệ với nhãn hiệu tập thể "Na La Hiên" đã được bảo hộ, bảo đảm không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân liên quan.

+ Rà soát, hoàn thiện dự toán kinh phí theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, phù hợp với nội dung nghiên cứu, sản phẩm của nhiệm vụ và kết luận thẩm định kinh phí; loại bỏ các nội dung chi chưa thực sự cần thiết.

+ Rà soát, chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật, lỗi hình thức của thuyết minh; hoàn thiện tiến độ thực hiện, nội dung nghiên cứu, phân công trách nhiệm và sản phẩm của từng nội dung, bảo đảm tính thống nhất, khả thi và thuận lợi cho công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá và nghiệm thu nhiệm vụ.

Về khoán kinh phí:

- Đề nghị đơn vị chủ trì rà soát, cơ cấu lại dự toán theo hướng tiết kiệm, đúng định mức, đúng nội dung, giảm các khoản chi chưa thật sự cần thiết. Các khoản chi bảo đảm hiệu quả sử dụng kinh phí và thuận lợi cho bước thẩm định kinh phí tiếp theo.

- Thực hiện phương thức khoán chi từng phần.

Đề nghị Viện Thổ nhưỡng Nông hóa nghiêm túc tiếp thu đầy đủ ý kiến của Hội đồng (*có ý kiến của thành viên Hội đồng tại Phụ lục kèm theo*), hoàn thiện thuyết minh, dự toán và các tài liệu liên quan gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ theo đúng thời hạn quy định để tổng hợp, thẩm định và trình phê duyệt

theo quy định.

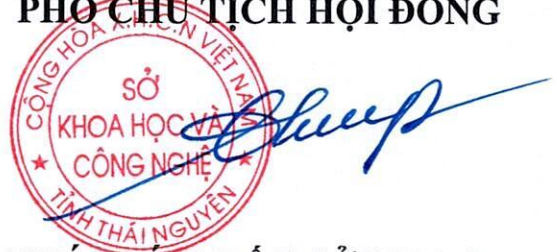
Hội đồng tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh theo quy định./.

THƯ KÝ KHOA HỌC



ThS. Tạ Ngọc Minh

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ KH&CN
TS. Nguyễn Thị Thủy**

Phụ lục
Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Kèm theo Biên bản số 148/BB-QLKH ngày 25/6/2026 của Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh)

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
1	TS. Nguyễn Thị Thủy - Phó Chủ tịch Hội đồng	
	- Các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm về nội dung phiếu nhận xét và phiếu đánh giá của mình.	
	- Có ưu điểm nổi bật về năng lực chuyên môn trực tiếp trong lĩnh vực nông nghiệp, thổ nhưỡng, nông hóa và điều kiện sinh thái. Đây là lợi thế quan trọng đối với nhiệm vụ xây dựng chỉ dẫn địa lý, bởi yêu cầu cốt lõi của nhiệm vụ không chỉ là hoàn thiện hồ sơ đăng ký bảo hộ, mà phải chứng minh được tính chất, chất lượng đặc thù của quả na La Hiên và mối quan hệ giữa chất lượng đó với điều kiện địa lý, đất đai, khí hậu, kỹ thuật canh tác và yếu tố con người tại vùng sản xuất.	- Có ưu điểm về cách tiếp cận pháp lý sở hữu trí tuệ, xây dựng hồ sơ đăng ký, hệ thống nhận diện, truyền thông và quản lý sau bảo hộ. Thuyết minh quan tâm đến các nội dung như xác định chủ đơn, quy chế quản lý, quy chế sử dụng, tem truy xuất, chuyên trang, truyền thông quảng bá và khai thác giá trị chỉ dẫn địa lý. Đây là những nội dung cần thiết trong quá trình xác lập và phát huy hiệu quả chỉ dẫn địa lý sau khi được bảo hộ.
	- Nội dung nghiên cứu của hồ sơ được xây dựng theo trình tự tương đối logic, từ khảo sát hiện trạng sản xuất, kinh doanh, đánh giá danh tiếng sản phẩm, phân tích điều kiện tự nhiên, chất lượng sản phẩm đến xây dựng hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý, hệ thống quản lý, kiểm soát và công cụ nhận diện. Cách tiếp cận này phù hợp với bản chất của nhiệm vụ, nhất là phần chứng minh cơ sở khoa học và thực tiễn để bảo hộ chỉ dẫn địa lý.	- Kinh phí đề xuất của hồ sơ thấp hơn mức dự kiến đặt hàng, tạo thuận lợi trong quá trình cân đối ngân sách và thẩm định kinh phí. Hồ sơ cũng thể hiện sự quan tâm đến các vấn đề pháp lý thực tiễn liên quan đến nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và công cụ quản lý sản phẩm sau bảo hộ.
	- Hồ sơ có sự tham gia, phối hợp với địa phương, hợp tác xã và cơ quan chuyên ngành nông nghiệp của tỉnh. Đây là yếu tố cần thiết để bảo đảm kết quả nghiên cứu gắn với vùng sản xuất thực tế, thuận lợi cho việc quản lý, kiểm soát và khai thác chỉ dẫn địa lý sau khi được bảo hộ.	- Tuy nhiên, hạn chế lớn của hồ sơ là năng lực chuyên môn về nông học, thổ nhưỡng, điều kiện tự nhiên và phân tích cơ sở khoa học của sản phẩm nông nghiệp chưa nổi bật. Trong khi đó, đối với nhiệm vụ xây dựng chỉ dẫn địa lý cho quả na La Hiên, phần nghiên cứu nền tảng về

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
		đất đai, khí hậu, điều kiện sinh thái, kỹ thuật canh tác và mối quan hệ với chất lượng sản phẩm là nội dung quyết định. Nếu nội dung này không đủ sâu, hồ sơ bảo hộ có thể thiếu tính thuyết phục hoặc khó chứng minh được tính đặc thù của sản phẩm.
	- Một số nội dung cần hoàn thiện: Kinh phí đề xuất cao hơn mức dự kiến đặt hàng, cần rà soát, tiết giảm các khoản chi chưa thật sự cần thiết. Phần pháp lý về sở hữu trí tuệ, chủ đơn đăng ký, tổ chức quản lý, cơ chế cấp quyền sử dụng, kiểm soát sau bảo hộ cần làm rõ hơn. Đồng thời, cần xác định chính xác phạm vi khu vực bảo hộ, làm rõ tên chỉ dẫn địa lý “La Hiên” gắn với xã La Hiên hay vùng rộng hơn; rà soát lỗi kỹ thuật, hoàn thiện các biểu mẫu và loại bỏ các ghi chú nội bộ trong thuyết minh.	- Hồ sơ có xu hướng thiên nhiều về sở hữu trí tuệ, pháp lý và truyền thông; một số nội dung như xử lý nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận hoặc chấm dứt hiệu lực văn bằng hiện có cần được cân nhắc kỹ, vì có thể phát sinh rủi ro pháp lý, ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân, hợp tác xã và chủ thể đang sử dụng nhãn hiệu. Phương án lựa chọn vùng đối chứng, tiêu chí so sánh và vai trò của chuyên gia nông nghiệp, thổ nhưỡng cũng cần làm rõ hơn để bảo đảm tính khoa học của kết quả nghiên cứu.
	- Hồ sơ có nền tảng khoa học phù hợp, có khả năng bảo đảm chiều sâu nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng và chất lượng đặc thù của sản phẩm. Những hạn chế hiện nay chủ yếu là vấn đề có thể chỉnh sửa, hoàn thiện trong quá trình tiếp thu ý kiến Hội đồng và thẩm định kinh phí.	- Hồ sơ có ưu điểm về pháp lý sở hữu trí tuệ, quản lý và truyền thông sau bảo hộ, nhưng còn hạn chế về chiều sâu chuyên môn nông nghiệp, thổ nhưỡng và khả năng trực tiếp chứng minh cơ sở khoa học của chỉ dẫn địa lý. Đây là điểm cần cân nhắc khi lựa chọn đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ.
2	TS. Nguyễn Hữu Cẩn - Ủy viên phản biện 1	
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:</i> - Phần tổng quan của Thuyết minh đã thể hiện được sự đầu tư công phu, có trích dẫn nhiều tài liệu trong và ngoài nước, đồng thời đã viện dẫn tương đối đầy đủ hệ thống căn cứ pháp lý liên quan đến chỉ dẫn địa lý. - Tuy nhiên, hạn chế của phần này là thiên về việc liệt kê các quy định pháp	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:</i> - Bản Thuyết minh có ưu điểm là tiếp cận nhiệm vụ từ góc độ pháp lý sở hữu trí tuệ khá rõ, nhận diện đúng sự khác biệt giữa chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận, đồng thời đã cố gắng cập nhật một số quy định pháp luật mới và số liệu quốc tế về chỉ dẫn

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
	luật, mô tả lịch sử phát triển của chỉ dẫn địa lý trên thế giới và giới thiệu kinh nghiệm chung của một số quốc gia, trong khi chưa thực sự thực hiện đúng mục tiêu của một tổng quan nghiên cứu khoa học. Nhiều tài liệu được sử dụng có năm công bố khá cũ như các nghiên cứu từ năm 2002, 2003, 2005, 2008; chưa phản ánh được xu hướng nghiên cứu mới về quản trị chỉ dẫn địa lý, phát triển chuỗi giá trị, cơ chế kiểm soát nội bộ, truy xuất nguồn gốc số, quản trị tài sản trí tuệ cộng đồng hoặc các mô hình quản trị chỉ dẫn địa lý sau bảo hộ đang được áp dụng phổ biến tại châu Âu và nhiều quốc gia châu Á trong khoảng 10 năm gần đây. Danh mục tài liệu tham khảo cũng cho thấy số lượng bài báo khoa học quốc tế chuyên sâu về chỉ dẫn địa lý còn rất hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu của một nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp tỉnh. - Quan trọng hơn, mặc dù Thuyết minh đã trình bày khá dài về khái niệm, lịch sử và vai trò của chỉ dẫn địa lý nhưng chưa làm rõ khoảng trống nghiên cứu cụ thể mà nhiệm vụ này cần giải quyết. Chưa thấy có sự phân tích vì sao trong bối cảnh sản phẩm đã được bảo hộ Nhãn hiệu tập thể “Na La Hiên” từ năm 2018 thì việc tiếp tục xây dựng chỉ dẫn địa lý là yêu cầu tất yếu về mặt khoa học và thực tiễn; đồng thời chưa chỉ ra rõ những hạn chế của mô hình nhãn hiệu tập thể hiện hành mà chỉ dẫn địa lý có thể khắc phục được. Do đó, tính mới, tính cấp thiết và ý nghĩa khoa học riêng của nhiệm vụ vẫn chưa được luận giải một cách đủ sức thuyết phục.	địa lý. - Tuy nhiên, nếu đánh giá theo yêu cầu đối với một nhiệm vụ xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm nông sản đặc thù, hạn chế quan trọng của hồ sơ là phần tổng quan còn nghiêng mạnh về khung pháp lý và bối cảnh chung, trong khi chưa làm rõ đầy đủ khoảng trống khoa học cụ thể của chủ đề nghiên cứu liên quan tới chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm na La Hiên. Thuyết minh đã nêu khá nhiều thông tin về tình hình bảo hộ chỉ dẫn địa lý trên thế giới, Việt Nam và Thái Nguyên, nhưng chưa phân tích đủ sâu các nghiên cứu trực tiếp về cây na, vùng na La Hiên, đặc tính cảm quan, sinh hóa, thổ nhưỡng, khí hậu, kỹ thuật canh tác và cơ chế hình thành chất lượng đặc thù của sản phẩm. Vì vậy, phần luận giải sự cần thiết tuy có lý về mặt chính sách và pháp lý, nhưng chưa đủ chắc về mặt khoa học và thực tiễn.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i> - Cấu trúc nội dung nghiên cứu cơ bản bám sát logic xây dựng một hồ sơ xây dựng chỉ dẫn địa lý. Tuy nhiên, Thuyết	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i> - Về nội dung nghiên cứu, Thuyết minh có cấu trúc tương đối rõ, bao gồm xác lập cơ sở khoa học, xây

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
	minh mới dừng ở việc mô tả các công việc cần thực hiện mà chưa chứng minh được cơ sở khoa học của từng nội dung. - Mặc dù tại mục 14.2.2, Thuyết minh khẳng định na La Hiên có đặc điểm “quả to, vỏ mỏng, mắt nở đều, thịt quả trắng, dẻo, vị ngọt đậm, ít hạt”, song toàn bộ phần trình bày chưa cung cấp bất kỳ số liệu định lượng nào để chứng minh các đặc điểm này thực sự khác biệt so với sản phẩm cùng loại ở các vùng khác. Các nhận định hiện nay mới mang tính mô tả cảm quan và chủ yếu dựa trên nguồn thông tin thứ cấp như Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên hoặc báo chí địa phương, chưa đủ độ tin cậy để trở thành căn cứ xây dựng chỉ dẫn địa lý. - Đặc biệt, mặc dù nhiều lần khẳng định chất lượng đặc thù của na La Hiên gắn với địa hình đồi núi đá vôi, đất đai và khí hậu đặc thù, nhưng toàn bộ phần luận giải hiện nay mới dừng ở mức giả định. Thuyết minh chưa chứng minh được mối quan hệ nhân quả giữa điều kiện địa lý với chất lượng sản phẩm; chưa chỉ ra yếu tố nào của đất đai, khí hậu hoặc tập quán canh tác quyết định trực tiếp đến đặc tính đặc thù của quả na. Đây là yêu cầu cốt lõi của yêu cầu bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ, nhưng lại chưa được làm rõ ngay trong phần xây dựng cơ sở khoa học của nhiệm vụ. - Một hạn chế khác là Thuyết minh đã thừa nhận sản phẩm đã được bảo hộ Nhãn hiệu tập thể “Na La Hiên” từ năm 2018 nhưng chưa đánh giá đầy đủ mối quan hệ giữa quyền NHTT đã tồn tại này với chỉ dẫn địa lý dự kiến đăng ký. Chưa thấy có phân tích nguy cơ xung đột quyền, phương án xử lý đối với nhãn hiệu tập thể hiện hành, cũng như cơ chế phối hợp giữa tổ chức đang quản	dụng hồ sơ đăng ký, hệ thống quản lý và công cụ truyền thông. - Tuy nhiên, điểm bất hợp lý là nhiệm vụ đặt hàng là xây dựng chỉ dẫn địa lý “La Hiên”, nhưng Thuyết minh lại mở rộng sang cả hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Na La Hiên” dưới dạng “logo” của chỉ dẫn địa lý, đồng thời đề xuất thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ nhãn hiệu tập thể “Na La Hiên”. Đây là vấn đề nghiêm trọng về phạm vi nhiệm vụ và độ rủi ro. Việc xử lý nhãn hiệu tập thể hiện có và tạo lập thêm nhãn hiệu chứng nhận không thể được xem là nội dung phụ mang tính hỗ trợ kỹ thuật, vì nó có thể làm thay đổi toàn bộ hệ sinh thái sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm na La Hiên. Thuyết minh chưa chứng minh vì sao phải chấm dứt nhãn hiệu tập thể, ai có quyền yêu cầu chấm dứt, căn cứ pháp lý và sự đồng thuận của chủ sở hữu hiện tại ra sao, cũng như việc tạo thêm nhãn hiệu chứng nhận có làm chông chéo, phức tạp hóa cơ chế quản lý chỉ dẫn địa lý hay không, có gây suy giảm hoặc làm lu mờ hiệu lực và danh tiếng (genericized) của chỉ dẫn địa lý hay không. Nếu không giải trình được điểm này, Thuyết minh có phạm vi vượt quá yêu cầu đặt hàng và tạo ra rủi ro pháp lý không cần thiết. - Về hiện trạng sản xuất, kinh doanh và danh tiếng sản phẩm, Thuyết minh đã nêu được một số thông tin đáng chú ý như cây na xuất hiện tại La Hiên từ khoảng năm 1987, phát triển mạnh từ thập niên 1990, vùng trồng tập trung tại nhiều xóm, có tổ hợp tác sản xuất

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
	lý nhãn hiệu tập thể với chủ thể quản lý chỉ dẫn địa lý trong tương lai. Đây là khoảng trống lớn về mặt thực tiễn. - Một điểm hạn chế khác là mặc dù nội dung nghiên cứu có đề cập đến việc xây dựng các văn bản và công cụ quản lý chỉ dẫn địa lý nhưng chưa xác định rõ chủ thể sẽ được giao quản lý sau bảo hộ. Thuyết minh mới nêu UBND xã La Hiên và Hợp tác xã Na La Hiên là đơn vị phối hợp, nhưng chưa làm rõ cơ quan nào sẽ là tổ chức quản lý thực tế, năng lực chuyên môn của chủ thể này ra sao, cơ chế kiểm soát điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý được thiết kế như thế nào, nguồn lực tài chính duy trì hoạt động sau nghiệm thu lấy từ đâu. Nếu không giải quyết được nội dung này thì nguy cơ rất lớn là chỉ dẫn địa lý được cấp văn bằng nhưng không thể vận hành trên thực tế.	na VietGAP Hiên Minh, sản phẩm OCOP 3 sao và một số dữ liệu về diện tích, cơ cấu vùng trồng. Tuy nhiên, các nội dung này mới chỉ chứng minh được lịch sử phát triển và mức độ nhận diện ban đầu của sản phẩm, chưa chứng minh được tính chất, chất lượng đặc thù theo nghĩa pháp lý của chỉ dẫn địa lý. Các nhận định như quả to, mắt hồng, múi dày, thịt trắng, hạt nhỏ, vị ngọt sắc, hương thơm đặc trưng vẫn chủ yếu là mô tả cảm quan, chưa có bộ chỉ tiêu định lượng, chưa có số liệu phân tích mẫu và chưa có so sánh đối chứng với na Chi Lăng, na Lục Nam, na Đông Triều hoặc các vùng na khác. Đây là điểm hạn chế vì chỉ dẫn địa lý không bảo hộ cho một sản phẩm “ngon” theo cảm nhận chung, mà bảo hộ cho sản phẩm có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính được chứng minh bằng căn cứ kiểm tra được, hoặc ít nhất là dựa trên những bằng chứng thứ cấp. - Về mối quan hệ hữu cơ giữa chất lượng sản phẩm với điều kiện tự nhiên và yếu tố con người, Thuyết minh đã nêu một số giả thuyết đáng quan tâm như địa hình núi đá vôi, đất “sỏi com”, đất có khả năng thoát nước, tỷ lệ diện tích trồng trên núi đá khoảng 70%, kinh nghiệm thụ phấn, bao quả, chăm sóc và thu hoạch. Tuy nhiên, các yếu tố này mới được trình bày như đặc điểm bối cảnh, chưa được thiết kế thành một chuỗi chứng minh quan hệ nhân quả. Thuyết minh chưa làm rõ yếu tố nào là yếu tố quyết định, yếu tố nào chỉ là điều kiện hỗ trợ; chưa chỉ ra cơ chế khoa học vì sao đất đá vôi, đất sỏi com, biên độ nhiệt, độ

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
		dốc, kỹ thuật thụ phấn hoặc bao quả tạo nên vị ngọt, độ dẻo, hương thơm, kích thích quả hay tỷ lệ thịt quả. Nếu không đặt vấn đề cần lượng hóa và kiểm chứng được mối quan hệ này, phần “cơ sở khoa học” của Thuyết minh chỉ là suy luận hợp lý nhưng chưa đủ bằng chứng. - Về chủ thể quản lý và cơ chế vận hành sau bảo hộ, Thuyết minh có nêu việc xác định tổ chức đứng tên đăng ký, quản lý chỉ dẫn địa lý và đồng thời là chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận, nhưng chưa làm rõ đầy đủ mô hình tổ chức, năng lực thực thi, cơ chế tài chính và trách nhiệm hậu kiểm. Việc quản lý chỉ dẫn địa lý không dừng ở ban hành quy chế, tem nhãn hoặc bộ nhận diện; cốt lõi là phải có chủ thể đủ năng lực tiếp nhận hồ sơ yêu cầu cấp quyền sử dụng, kiểm tra điều kiện vùng trồng, kiểm soát quy trình sản xuất, giám sát chất lượng sản phẩm, thu hồi quyền sử dụng khi vi phạm và phối hợp xử lý hành vi xâm phạm trên thị trường. Thuyết minh hiện vẫn thiên về thiết kế văn bản và công cụ, trong khi chưa chứng minh được bộ máy quản lý sau nghiệm thu có thể vận hành thực chất. Đặc biệt, khi Thuyết minh đồng thời đề xuất quản lý cả CDĐL và NHCN, yêu cầu về năng lực quản trị quyền càng cao, nhưng phần chứng minh năng lực của chủ thể tiếp nhận lại chưa tương xứng.
	* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3: - Mặc dù nội dung nghiên cứu tương đối đầy đủ, nhưng phương pháp nghiên cứu lại chưa được lượng hóa và chuẩn hóa tương ứng. Thuyết minh chưa xác định	* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3: - Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, Thuyết minh đã có điểm tích cực là nêu rõ một số nhóm khảo sát và có dự kiến số

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
	rõ quy mô mẫu điều tra đối với hộ sản xuất, cơ sở kinh doanh, thương lái và người tiêu dùng; chưa làm rõ tiêu chí lựa chọn mẫu, phương pháp lấy mẫu, nguyên tắc bảo đảm tính đại diện và độ tin cậy thống kê. Việc khảo sát “mức độ tín nhiệm của người tiêu dùng” được đưa vào nội dung nghiên cứu nhưng chưa thấy xác định số lượng mẫu, địa bàn khảo sát, phương pháp xử lý dữ liệu và chỉ tiêu đánh giá danh tiếng của sản phẩm. - Đối với mẫu sản phẩm phục vụ xác định tính chất đặc thù, Thuyết minh chưa làm rõ số lượng mẫu, thời điểm lấy mẫu, nguyên tắc lấy mẫu giữa các vùng sản xuất, cũng như chưa xác định mẫu đối chứng với các vùng trồng na khác để chứng minh tính khác biệt của na La Hiên. Nếu thiếu cơ chế so sánh đối chứng thì rất khó chứng minh được đặc tính đặc thù theo đúng yêu cầu của hồ sơ chỉ dẫn địa lý. - Phương pháp nghiên cứu đối với yếu tố con người cũng chưa được mô tả rõ. Thuyết minh nhiều lần đề cập đến “kinh nghiệm truyền thống”, “tri thức bản địa”, “kỹ thuật canh tác đặc thù”, nhưng chưa chỉ ra phương pháp thu thập, ghi nhận và lượng hóa các yếu tố này. Điều này làm cho “yếu tố con người” có thể mang tính cảm tính thay vì được luận giải bởi bằng chứng khoa học.	lượng phiếu điều tra. - Tuy nhiên, quy mô và cấu trúc mẫu còn chưa thật sự thuyết phục đối với một nhiệm vụ phải chứng minh danh tiếng, chất lượng đặc thù và mối quan hệ sản phẩm – địa lý. Việc khảo sát 100 phiếu, trong đó chỉ có 30 phiếu người tiêu dùng và phạm vi chủ yếu tại La Hiên, Phan Đình Phùng, chưa đủ mạnh để chứng minh mức độ tín nhiệm rộng rãi của người tiêu dùng trên thị trường. Đối với mẫu sản phẩm, Thuyết minh chưa làm rõ số lượng mẫu quả, thời điểm lấy mẫu theo vụ, độ tuổi cây, vị trí vườn, tiêu chí chọn vườn, phương pháp bảo quản mẫu, chỉ tiêu phân tích, phòng thử nghiệm, cũng như mẫu đối chứng với vùng na khác. Đây là thiếu hụt phương pháp quan trọng, vì nếu không có mẫu sản phẩm đủ đại diện và đối chứng, kết luận về tính đặc thù của na La Hiên sẽ khó đạt độ tin cậy khoa học.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i> Phương án phối hợp, tiến độ và dự toán kinh phí phù hợp với mục tiêu của Nhiệm vụ.	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i> - Phương án phối hợp, tiến độ phù hợp với mục tiêu của Nhiệm vụ. - Phần phương thức khoán chi còn để trống kinh phí khoán và không khoán.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i> Nhiệm vụ có tính mới, nếu được triển khai theo đúng mục tiêu đặt hàng thì các kết quả, sản phẩm sẽ có giá trị về mặt	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i> Nhiệm vụ có tính mới, nếu được triển khai theo đúng mục tiêu đặt hàng thì các kết quả, sản phẩm

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
	thực tiễn.	sẽ có giá trị về mặt thực tiễn.
	* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6: Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm phù hợp với nội dung của Nhiệm vụ.	* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6: Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm phù hợp với nội dung của Nhiệm vụ.
	* Nhận xét, kiến nghị: - Nội dung trong thuyết minh hiện vẫn mới dừng ở mức nhận định hoặc mô tả, chưa được chứng minh bằng căn cứ khoa học cụ thể do chưa thực sự triển khai khảo sát. Các hạn chế lớn nhất tập trung ở ba vấn đề: chưa chứng minh được tính đặc thù của sản phẩm bằng số liệu khoa học; chưa làm rõ mối quan hệ hữu cơ giữa chất lượng sản phẩm với điều kiện địa lý và yếu tố con người; chưa xác định rõ mô hình quản lý và cơ chế vận hành chỉ dẫn địa lý sau bảo hộ.	* Nhận xét, kiến nghị: Thuyết minh có thể mạnh về tư duy pháp lý và thiết kế công cụ sở hữu trí tuệ, nhưng còn thiếu độ chắc ở phần căn cứ khoa học, thực tiễn của một hồ sơ xây dựng chỉ dẫn địa lý, đặc biệt là chứng minh tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm và mối quan hệ nhân quả với điều kiện địa lý. Thuyết minh cũng cần được rà soát lại về phạm vi nhiệm vụ, vì việc đưa thêm NHCN và thủ tục chấm dứt NHTT hiện có là nội dung nhạy cảm, mang tính rủi ro, không thể xử lý như một hợp phần kỹ thuật thông thường do chưa có đánh giá tác động cụ thể. Do đó, cần xem xét việc chỉnh sửa căn bản theo hướng thu hẹp và chuẩn hóa phạm vi nhiệm vụ đúng trọng tâm CDĐL; bổ sung phương pháp lấy mẫu sản phẩm, mẫu khảo sát người tiêu dùng và mẫu đối chứng đủ tin cậy; chứng minh rõ cơ chế hình thành chất lượng đặc thù của na La Hiên; đánh giá đầy đủ quan hệ với NHTT “Na La Hiên” đã được bảo hộ; và làm rõ chủ thể quản lý, cơ chế cấp quyền, hậu kiểm, tài chính duy trì sau khi chỉ dẫn địa lý được bảo hộ.
3	TS. Nguyễn Văn Dũng - Ủy viên phản biện 2	
	* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1: - Tổng quan nghiên cứu đã đề cập tương đối đầy đủ các vấn đề liên quan đến chỉ dẫn địa lý và sản phẩm na, có tham khảo tài liệu trong và ngoài nước. Tuy	* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1: - Tổng quan đã đề cập được các nội dung liên quan đến chỉ dẫn địa lý và sản phẩm na, có tham khảo tài liệu trong và ngoài nước. Tuy

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
	nhiên, mức độ cập nhật đến lĩnh vực liên quan trên thế giới và trong nước còn hạn chế (chủ yếu tập trung vào rượu và gạo; Vị trí, tầm quan trọng của cây na La Hiên trong tổng thể sản xuất, quản lý chất lượng và tiêu thụ của tỉnh Thái Nguyên. Cần phân tích và luận giải sự cần thiết của đề tài rõ ràng, chú trọng đến các vấn đề liên quan đến cơ sở khoa học cho việc xây dựng CDĐL.	nhiên, mức độ cập nhật, thống nhất giữa các tài liệu tham khảo trong tổng quan còn hạn chế. Cần bổ sung thêm các tài liệu liên quan đến các chỉ tiêu phục vụ cho việc xây dựng CDĐL cho cây ăn quả, na (chủ yếu cây rau và cây lâm nghiệp).
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i> - Nội dung nghiên cứu cơ bản có tính hệ thống và bám sát mục tiêu đề tài. Các nội dung và hoạt động triển khai cụ thể phù hợp. Tuy nhiên cần thể hiện chi tiết hơn một số nội dung (Nội dung 2: Xây dựng CSKH và thực tiễn đăng ký bảo hộ CDĐL cho sản phẩm na La Hiên: Các chỉ tiêu về hình thái quả, địa hình, thủy văn...) để đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực tế.	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i> - Nội dung nghiên cứu cơ bản đầy đủ, có tính hệ thống và bám sát mục tiêu đề tài. Các hoạt động triển khai tương đối hợp lý, tuy nhiên cần làm rõ hơn sự liên kết giữa các nội dung và tính cụ thể của một số hoạt động.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:</i> - Cách tiếp cận phù hợp với đối tượng nghiên cứu là chỉ dẫn địa lý. Phương pháp nghiên cứu sử dụng tương đối đầy đủ. Tuy nhiên cần làm rõ hơn một số thông số kỹ thuật điều tra, phân tích, cơ sở lựa chọn (địa điểm lấy mẫu, số mẫu, lượng của mỗi mẫu...) mô tả chi tiết hơn phương pháp đánh giá các chỉ tiêu về hình thái, đặc điểm quả để tăng tính thuyết phục.	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:</i> - Cách tiếp cận nhìn chung phù hợp với đối tượng nghiên cứu là chỉ dẫn địa lý. Phương pháp nghiên cứu tương đối đầy đủ, nhưng cần làm rõ hơn một số kỹ thuật điều tra, phân tích và cơ sở lựa chọn phương pháp. Ví dụ: (Nội dung 1, Công việc 1.2: Phân tích các yếu tố điều kiện tự nhiên (khí hậu thời tiết) Sử dụng đối chứng 1: Vùng trồng na Bà Rịa - Vũng Tàu so sánh với vùng CDĐL (La Hiên, Thái Nguyên) là chưa hợp lý. Lý do đang so sánh vùng trồng na nhiệt đới (Bà Rịa - Vũng Tàu) với vùng đã được á nhiệt đới hóa (vùng CDĐL) (chưa phù hợp với nguyên tắc 3,4: Cho đối chứng tương đồng về mức độ đầu tư sản xuất, kỹ thuật chăm sóc, cùng khu vực hoặc khu

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
		vực lân cận). Chính sửa lại số liệu diện tích vùng na Lục Nam (đối chứng 2) với đối chứng 1 (Bà Rịa - Vũng Tàu) cho chính xác: cùng là 1.700ha); Nội dung 2: Lấy 12 mẫu đất để phân tích (1 tầng 0 - 35cm) để phân tích 12 chỉ tiêu (Số mẫu này là ít và tầng canh tác chưa đại diện). Bổ sung các chỉ tiêu phân tích là các nguyên tố vi lượng; các chỉ tiêu chất lượng: VTM C, Axít tổng số.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i> - Kế hoạch thực hiện cơ bản hợp lý, có phân công và phối hợp giữa các đơn vị. Dự toán kinh phí phù hợp với nội dung nghiên cứu, tuy nhiên cần rà soát và giải trình rõ hơn một số hạng mục chi để tăng tính minh bạch và khả thi trong triển khai.	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i> - Kế hoạch thực hiện cơ bản hợp lý, có phân công và phối hợp giữa các đơn vị. Dự toán kinh phí phù hợp với nội dung nghiên cứu, tuy nhiên cần giải trình rõ hơn một số hạng mục chi và tiến độ thực hiện.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i> - Sản phẩm của đề tài phù hợp với yêu cầu đặt hàng, có ý nghĩa thực tiễn trong việc bảo hộ và phát triển sản phẩm na địa phương. Tuy nhiên, cần làm rõ hơn hiệu quả khoa học và phương án chuyển giao, ứng dụng sau nghiên cứu.	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i> - Sản phẩm đề tài phù hợp yêu cầu đặt hàng, có ý nghĩa thực tiễn trong bảo hộ và phát triển sản phẩm na địa phương. Tuy nhiên, tính mới chưa thật sự nổi bật, cần làm rõ hơn hiệu quả khoa học và phương án chuyển giao ứng dụng.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:</i> - Tổ chức chủ trì có năng lực nghiên cứu và kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực đề tài. Chủ nhiệm và các thành viên tham gia đã thực hiện nhiều nhiệm vụ xây dựng CDĐL cho quýt, nhãn, bưởi, na, gáo... cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyên môn, có khả năng triển khai nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:</i> - Tổ chức chủ trì và nhóm thực hiện cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyên môn và năng lực triển khai. Tuy nhiên, cần làm rõ hơn một số minh chứng về kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ tương tự (mới tham gia thực hiện bảo hộ và quản lý nhãn hiệu tập thể và tạo lập, quản lý và phát triển chứng nhận sản phẩm).
	<i>* Nhận xét, kiến nghị:</i> Hồ sơ đề tài cơ bản đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ	<i>* Nhận xét, kiến nghị:</i> Hồ sơ đề tài cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
	KH&CN cấp tỉnh, có tính khoa học, ứng dụng trong thực tế và khả thi. Tuy nhiên cần chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung về tổng quan, phương pháp nghiên cứu và kế hoạch triển khai để nâng cao chất lượng đề tài trước khi thực hiện.	KH&CN cấp tỉnh, có tính ứng dụng và khả thi. Tuy nhiên cần chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung về tổng quan, nội dung, phương pháp và bổ sung năng lực thực hiện các nhiệm vụ tương tự của cơ quan và cá nhân đăng ký thực hiện trước khi triển khai để thuận lợi hơn nếu được đồng ý thực hiện.
4	PGS. TS. Đỗ Thị Thuý Phương - Ủy viên	
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:</i> - Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài cần phải sắp xếp lại và bổ sung thêm các nội dung theo chủ đề nghiên cứu và từ khóa và nội dung của đề tài: Xây dựng chỉ dẫn địa lý, tính đặc thù của sản phẩm được xây dựng chỉ dẫn địa lý,... - Các nghiên cứu ở nước ngoài tại mục 14.1.2 được tham khảo từ kết quả nghiên cứu từ Pháp, Bồ Đào Nha, Úc, Thái Lan quá sơ sài, chưa chỉ ra các nội dung và kinh nghiệm cụ thể để rút ra bài học kinh nghiệm trong xây dựng chỉ dẫn địa lý “La Hiên” cho sản phẩm quả na của tỉnh Thái Nguyên. Cần bổ sung thêm nội dung này sẽ thuyết phục hơn. - Các nghiên cứu khoa học trong nước phải sắp xếp theo trình tự thời gian và theo các nhóm vấn đề thì sẽ tường minh và logic hơn. - Các trích dẫn trong thuyết minh chưa đúng quy định về trích dẫn tài liệu tham khảo - Để đáp ứng được mục tiêu nhân rộng của nhiệm vụ, nên bổ sung thêm nội dung tập huấn nâng cao nhận thức cho các đối tượng hưởng thụ,...	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:</i> - Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài còn sơ sài, cần phải sắp xếp lại và bổ sung thêm các nội dung theo chủ đề nghiên cứu và từ khóa và nội dung của đề tài: Xây dựng chỉ dẫn địa lý, tính đặc thù của sản phẩm được xây dựng chỉ dẫn địa lý,... + Bổ sung thêm các nghiên cứu ở nước ngoài về cây Na (hiện trình bày rất sơ sài ở trang 6 của thuyết minh), Từ đó chỉ ra các nội dung và kinh nghiệm cụ thể để rút ra bài học kinh nghiệm trong xây dựng chỉ dẫn địa lý “La Hiên” cho sản phẩm quả na của tỉnh Thái Nguyên. Cần bổ sung thêm nội dung này sẽ thuyết phục hơn. + Các nghiên cứu khoa học trong nước phải sắp xếp theo trình tự thời gian và theo các nhóm vấn đề thì sẽ tường minh và logic hơn. + Các trích dẫn trong thuyết minh chưa đúng quy định về trích dẫn tài liệu tham khảo và trích dẫn chưa đầy đủ, cần bổ sung để đảm bảo sự tường minh trong nghiên cứu.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i> - Mục 16 Nội dung nghiên cứu nhiệm vụ: Chưa chỉ rõ sản phẩm đặt hàng được thể	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i> - Mục 16 Nội dung nghiên cứu nhiệm vụ: Chưa chỉ rõ sản phẩm

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
	hiện ở nội dung nào (không tính các sản phẩm trung gian). Mục này cần mô tả công việc cụ thể hơn. - Nội dung công việc của mục 17. Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu cần sắp xếp lại cho phù hợp: Có một số nội dung để ở mục 16 sẽ phù hợp hơn, cụ thể như: Đánh giá thực trạng, Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý “La Hiên” cho sản phẩm qua na của tỉnh Thái Nguyên; Xây dựng hệ thống các văn bản, công cụ quản lý, kiểm soát chất lượng và nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ; Xây dựng hệ thống nhận diện và các công cụ quảng bá, truyền thông, giới thiệu sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý. (Đây là sản phẩm chính đặt hàng của đề tài). - Mục 17 chỉ để các hoạt động khảo sát; Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm; Kết quả phân tích các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý. - Mục 22 Tiến độ thực hiện: cần bổ sung các sản phẩm đặt hàng đạt được ở nội dung nào? Để tường minh và thuận lợi cho công tác quản lý nhiệm vụ của cơ quan chủ quản.	đặt hàng được thể hiện ở nội dung nào (không tính các sản phẩm trung gian). Nên bỏ các sản phẩm trung gian ra khỏi thuyết minh, chỉ để theo dõi nội bộ để xác định tiến độ thực hiện đề tài của nhóm nghiên cứu.. - Nội dung công việc của mục 17. Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu cần sắp xếp lại cho phù hợp: Có một số nội dung để ở mục 16 sẽ phù hợp hơn, cụ thể như: Điều tra, khảo sát, tổ chức các hội thảo,... - Mục 17 chỉ để các hoạt động khảo sát (chuyển từ mục 16 sang); Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm; Kết quả phân tích các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Trình bày lại nội dung mục 17 cho chi tiết hơn. - Mục 22 Tiến độ thực hiện: Chỉ để các sản phẩm đặt hàng đạt được ở cột kết quả đạt được, bỏ các sản phẩm trung gian, viết lại nội dung cột này cho phù hợp.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:</i> - Cách tiếp cận đề tài nghiên cứu phù hợp với nội dung nhiệm vụ đặt hàng. - Phương pháp nghiên cứu: Chưa chỉ ra được phương pháp chọn mẫu, phân tổ thống kê đối với các đối tượng nghiên cứu.	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:</i> - Cách tiếp cận đề tài nghiên cứu cần viết lại cho phù hợp với nội dung nhiệm vụ đặt hàng - Phương pháp nghiên cứu: Cần phải chỉ rõ nhóm nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu nào, nội dung của phương pháp và phục vụ giải quyết nội dung và công việc nào trong đề tài
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i> - Tiến độ thực hiện phù hợp với khối	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i> - Tiến độ thực hiện phù hợp với

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
	lượng công việc đã xây dựng. - Dự toán và nội dung công việc cần cân đối lại cho phù hợp. Công lao động chiếm quá nhiều trong tổng dự toán, dự toán cao hơn kinh phí đặt hàng dự kiến của tỉnh.	khối lượng công việc đã xây dựng - Dự toán và nội dung công việc cần cân đối lại cho phù hợp. Công lao động chiếm ít trong tổng dự toán mà chỉ khác lại quá cao là không hợp lý.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i> - Sản phẩm khoa học của đề tài đáp ứng theo yêu cầu đặt hàng. Kết quả nghiên cứu của đề tài có hiệu quả về khoa học và giá trị thực tiễn cao trong phát triển sản xuất đối với cây na ở Thái Nguyên nói riêng và sản xuất nông nghiệp của tỉnh Thái Nguyên. Phương án ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất đặt hàng và tổ chức ứng dụng mạch lạc, chi tiết.	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i> - Sản phẩm khoa học của đề tài đáp ứng theo yêu cầu đặt hàng. Kết quả nghiên cứu của đề tài có hiệu quả về khoa học và giá trị thực tiễn trong phát triển sản xuất đối với cây na ở Thái Nguyên nói riêng và sản xuất nông nghiệp của tỉnh Thái Nguyên. Phương án ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu cho cơ quan đề xuất đặt hàng và tổ chức ứng dụng mạch lạc, chi tiết.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:</i> - Tổ chức chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài đảm bảo điều kiện để triển khai thực hiện nghiên cứu đề tài. - Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính đáp ứng yêu cầu chuyên môn phục vụ cho công tác triển khai, nghiên cứu đề tài.	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:</i> - Tổ chức chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài đảm bảo điều kiện để triển khai thực hiện nghiên cứu đề tài. - Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính đáp ứng yêu cầu chuyên môn phục vụ cho công tác triển khai, nghiên cứu đề tài.
5	ThS. Dương Sơn Hà - Ủy viên	
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:</i> - Xây dựng chỉ dẫn địa lý “La Hiên” cho sản phẩm quả Na thuộc danh mục nhiệm vụ KH-CN cấp tỉnh theo QĐ 602/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên, để nâng cao thương hiệu, giá trị thì giải pháp xây dựng chỉ dẫn địa lý là rất cần thiết. - Nội dung thuyết minh đảm bảo tính đầy đủ, cập nhật tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước; cụ thể hoá mục	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 1:</i> - Xây dựng chỉ dẫn địa lý “La Hiên” cho sản phẩm quả Na thuộc danh mục nhiệm vụ KH-CN cấp tỉnh theo QĐ 602/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên, để nâng cao thương hiệu, giá trị thì giải pháp xây dựng chỉ dẫn địa lý là rất cần thiết. - Nội dung thuyết minh đã cập nhật tình hình nghiên cứu trong và

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
	tiêu và nội dung nghiên cứu đáp ứng được yêu cầu đặt hàng.	ngoài nước; cụ thể hoá mục tiêu và nội dung nghiên cứu đáp ứng được yêu cầu đặt hàng.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i> - Thuyết minh đảm bảo tính hệ thống, đầy đủ, rõ ràng; sản phẩm của nhiệm vụ gồm 5 báo cáo kết quả nghiên cứu (như; Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng; Báo cáo cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ việc đăng ký chỉ dẫn địa lý; Hồ sơ bảo hộ chỉ dẫn địa lý; Hệ thống văn bản, công cụ quản lý chỉ dẫn địa lý; Hệ thống nhận diện và các công cụ nhận diện, quảng bá, giới thiệu). Yêu cầu khoa học cần đạt được trình bày rõ ràng, có định tính và định lượng kết quả nghiên cứu phù hợp với yêu cầu đặt hàng.	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 2:</i> - Nội dung thuyết minh cơ bản đã bám sát yêu cầu đặt hàng. Tuy nhiên tại phần nội dung nghiên cứu (nội dung 1 có 3 công việc, nội dung 2 có 10 công việc, nội dung 3 có 9 công việc). Đề nghị sắp xếp lại nội dung, cơ cấu lại thành các nội dung công việc chính, bám sát vào yêu cầu đối với kết quả theo yêu cầu đặt hàng tại quyết định 602/QĐ-UBND. - Các chỉ tiêu phân tích (trang 33) chưa có nội dung về tiêu chuẩn áp dụng (TCVN...) đối với các chỉ tiêu cần phân tích, đánh giá.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:</i> Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng phù hợp với đối tượng nghiên cứu.	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 3:</i> Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng phù hợp với đối tượng nghiên cứu.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i> - Dự toán kinh phí là 2.000 triệu đồng (100% là NSNN). Theo biểu chi tiết dự toán, cơ bản các nội dung công việc được lập dự toán căn cứ theo Thông tư 39/2025/TT-BKHCN. Tuy nhiên một số nội dung chỉ không có căn cứ áp dụng định mức, công việc thực hiện mang tính đơn giản như: nộp đơn đăng ký bảo hộ CDĐL (20 triệu đồng); hoàn thiện, nộp và theo đuổi hồ sơ đăng ký bảo hộ CDĐL (12 triệu đồng)... Đề nghị rà soát, đảm bảo chi phí theo định mức và đúng quy định hiện hành.	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 4:</i> - Dự toán kinh phí là 1.545 triệu đồng (100% là NSNN). Không có dự toán chi tiết kèm theo nên không có cơ sở đánh giá, cho ý kiến.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i> - Sản phẩm của dự án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng theo QĐ 602, có tính hiệu	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 5:</i> - Sản phẩm của dự án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng theo QĐ 602, có

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
	quả khoa học và thực tiễn, phương án ứng dụng và chuyển giao phù hợp. - Sản phẩm của dự án không có đào tạo sau đại học.	tính hiệu quả khoa học và thực tiễn, phương án ứng dụng và chuyển giao phù hợp. - Sản phẩm của dự án không có đào tạo sau đại học.
	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:</i> - Tổ chức chủ trì dự án: Theo bảng tóm tắt hoạt động khoa học công nghệ, Viện thổ nhưỡng Nông hóa đã thực hiện 11 nhiệm vụ về chỉ dẫn địa lý đã được nghiệm thu, đánh giá. - Có 8 thành viên thực hiện nhiệm vụ, trong đó có 02 Tiến sĩ, 06 Thạc sĩ. - Đảm bảo năng lực và kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu đặt hàng.	<i>* Ý kiến nhận xét đối với nhóm tiêu chí 6:</i> - Tổ chức chủ trì dự án: Không có bảng tóm tắt hoạt động KHCN nên chưa có cơ sở nhận xét.
6	ThS. Tạ Ngọc Minh - Ủy viên	
	1. Tổng quan tình hình nghiên cứu - Phần tổng quan được xây dựng tương đối công phu, có hệ thống và bám sát yêu cầu xây dựng chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật. Hồ sơ đã luận giải khá rõ sự cần thiết của việc xây dựng CDĐL “La Hiên” cho sản phẩm quả na, làm rõ cơ sở thực tiễn về lịch sử hình thành vùng sản xuất, danh tiếng sản phẩm và nhu cầu bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ của địa phương. Tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế được tổng hợp khá đầy đủ về khía cạnh pháp lý, quản lý và kinh nghiệm xây dựng CDĐL. Tuy nhiên, mức độ cập nhật các nghiên cứu quốc tế còn hạn chế, chưa phân tích sâu khoảng trống nghiên cứu và chưa làm nổi bật các nghiên cứu khoa học liên quan trực tiếp đến chất lượng, đặc tính đặc thù của sản phẩm na. Tổng quan được đánh giá ở mức khá tốt.	1. Tổng quan tình hình nghiên cứu - Phần tổng quan nghiên cứu được chuẩn bị tương đối đầy đủ, cập nhật được các thông tin pháp lý và thực tiễn mới nhất trong nước và quốc tế; nội dung phù hợp với định hướng xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm na La Hiên. Hồ sơ đã cho thấy nhóm nghiên cứu có hiểu biết khá tốt về hệ thống bảo hộ chỉ dẫn địa lý và thực trạng quản lý tài sản trí tuệ hiện nay. <i>Tuy nhiên</i>, phần tổng quan còn nặng về mô tả, thống kê; chưa phân tích sâu các công trình nghiên cứu chuyên ngành, chưa chỉ ra khoảng trống khoa học cần giải quyết và thiếu các bài học kinh nghiệm điển hình trong và ngoài nước.
	2. Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu - Nội dung nghiên cứu được xây dựng	2. Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu - Nhìn chung, các nội dung nghiên

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
	toàn diện, logic và bám sát yêu cầu xây dựng chỉ dẫn địa lý theo quy định hiện hành. Các hoạt động điều tra, khảo sát, lấy mẫu, phân tích chất lượng sản phẩm và điều kiện địa lý được thiết kế tương đối đầy đủ, có cơ sở khoa học và tính khả thi cao. Hồ sơ thể hiện rõ kinh nghiệm triển khai các nhiệm vụ CDĐL của đơn vị chủ trì, bảo đảm năng lực tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu phân tích chất lượng sản phẩm còn chưa phong phú, quy mô khảo sát người tiêu dùng chưa được lượng hóa cụ thể và nội dung ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý CDĐL còn hạn chế.	cứ được xây dựng đầy đủ, logic và bám sát yêu cầu đặt hàng của UBND tỉnh. Trình tự nghiên cứu phù hợp với quy trình xây dựng chỉ dẫn địa lý theo quy định hiện hành. Cơ cấu nhân lực có tính liên ngành, trong đó thể mạnh nổi bật là đội ngũ chuyên gia sở hữu trí tuệ và kinh nghiệm xây dựng tài sản trí tuệ cho địa phương. - Tuy nhiên, thành phần chuyên gia về nông học, thổ nhưỡng, chất lượng nông sản và phân tích mối liên hệ địa lý – sản phẩm chưa thật sự nổi bật, có thể ảnh hưởng đến chiều sâu khoa học của nội dung nghiên cứu về tính đặc thù của sản phẩm na La Hiên.
	3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu - Hệ thống phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng của nhiệm vụ cơ bản phù hợp với các nội dung nghiên cứu đã đề ra, đáp ứng yêu cầu của một nhiệm vụ xây dựng và đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Các phương pháp điều tra xã hội học, khảo sát thực địa, phân tích đất và sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc gia, ứng dụng GIS trong xác định vùng địa lý, cùng phương pháp chuyên gia và kế thừa tài liệu là phù hợp với mục tiêu xác lập danh tiếng, chất lượng, đặc tính và mối liên hệ giữa sản phẩm với điều kiện địa lý. - Tính khoa học của nhiệm vụ sẽ được nâng cao hơn nếu bổ sung và làm rõ các phương pháp phân tích thống kê chuyên sâu (tương quan, hồi quy, PCA), các kỹ thuật phân tích không gian GIS nâng cao, phương pháp nghiên cứu định tính (phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm), cũng như các công cụ phân tích dữ liệu thị trường (Likert, Cronbach Alpha, EFA). Đây là những phương pháp quan trọng	3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu - <i>Đối với nội dung xác định tính đặc thù của sản phẩm</i> + Thuyết minh chưa mô tả thật chi tiết: Số lượng mẫu nghiên cứu; Phương án lấy mẫu; Chỉ tiêu chất lượng trọng tâm cần phân tích; Thiết kế đối chứng với các vùng na khác. + Nhiều phương pháp mới được liệt kê mà chưa mô tả rõ quy trình triển khai như: Quy mô điều tra; Phương án chọn mẫu; Kích thước mẫu khảo sát; Số lượng mẫu phân tích. + Chưa làm rõ phương pháp xác định các chỉ tiêu đặc thù làm căn cứ bảo hộ chỉ dẫn địa lý. + Thiếu các phương pháp phân tích chuyên sâu nhằm chứng minh mối quan hệ giữa: Điều kiện địa lý; Chất lượng sản phẩm; Danh tiếng sản phẩm. Nội dung này chủ yếu mới dừng ở mức phân tích mô tả. - <i>Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu</i>

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
	để chứng minh một cách định lượng và có sức thuyết phục mối liên hệ giữa điều kiện địa lý và chất lượng đặc thù của sản phẩm na La Hiên theo yêu cầu của hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý.	+ Hồ sơ chưa mô tả chi tiết các kỹ thuật phân tích chuyên sâu, chưa làm rõ các thiết bị, tiêu chuẩn kỹ thuật và mức độ ứng dụng công nghệ số trong quản lý sau bảo hộ. Vì vậy, tính tiên tiến và mức độ hiện đại của các kỹ thuật nghiên cứu mới ở mức khá.
	4. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí - Kế hoạch thực hiện đề tài là phù hợp với nội dung nghiên cứu. - Đề xuất kinh phí cao hơn mức dự kiến trong danh mục đặt hàng theo QĐ 602, cần rà soát lại phần kinh phí của đề tài theo đặt hàng của UBND tỉnh.	4. Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí - Kế hoạch thực hiện được xây dựng tương đối khoa học, bám sát nội dung nghiên cứu và yêu cầu đặt hàng của tỉnh Tiến độ triển khai hợp lý, phân công công việc rõ ràng và phù hợp với năng lực của đơn vị chủ trì. - Dự toán kinh phí cơ bản phù hợp với nội dung nghiên cứu, khối lượng công việc và sản phẩm dự kiến. Cơ cấu chi tương đối hợp lý.
	5. Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm kết quả nghiên cứu - Hệ thống sản phẩm của nhiệm vụ cơ bản đáp ứng yêu cầu đặt hàng của tỉnh Thái Nguyên đối với nhiệm vụ xây dựng và đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý “La Hiên” cho sản phẩm quả na. Các sản phẩm đã bao quát đầy đủ các nhóm kết quả cần thiết từ điều tra hiện trạng, xây dựng cơ sở khoa học, hoàn thiện hồ sơ đăng ký, xây dựng công cụ quản lý đến quảng bá và phát triển sản phẩm sau bảo hộ. - Tuy nhiên, nhiều sản phẩm hiện được mô tả theo hướng định tính, chưa lượng hóa đầy đủ các tiêu chí nghiệm thu. - Khả năng ứng dụng kết quả của nhiệm vụ được đánh giá ở mức khá đến cao, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý nhà nước, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và phát triển thương hiệu sản phẩm. Tuy nhiên, khả năng ứng dụng trực tiếp vào	5. Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm kết quả nghiên cứu - Một số sản phẩm vẫn còn mô tả theo hướng định tính, chưa lượng hóa đầy đủ các chỉ tiêu đánh giá, quy mô dữ liệu hoặc tiêu chí nghiệm thu cụ thể, làm giảm mức độ rõ ràng trong đánh giá kết quả đầu ra. - Khả thi về đào tạo sau đại học: Hồ sơ chưa thể hiện rõ kế hoạch đào tạo, số lượng học viên tham gia hoặc sản phẩm đào tạo dự kiến. - Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống: Hồ sơ chưa lượng hóa đầy đủ hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến và chưa phân tích sâu cơ chế duy trì, khai thác chỉ dẫn địa lý sau bảo hộ

TT	Đơn vị: Viện Thổ nhưỡng Nông hoá	Đơn vị: Trung tâm nghiên cứu Công nghệ và Sở hữu trí tuệ CIPTEK
	nâng cao năng suất, chất lượng sản xuất và tạo tác động kinh tế - xã hội bền vững chưa được làm rõ trong hồ sơ. Hồ sơ cần bổ sung phương án khai thác, quản lý và phát triển CDĐL sau bảo hộ, cũng như các chỉ tiêu dự kiến về hiệu quả kinh tế để chứng minh rõ hơn giá trị ứng dụng của kết quả nghiên cứu đối với sản xuất và đời sống.	
	6. Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức và cá nhân tham gia - Viện Thổ nhưỡng Nông hóa là tổ chức nghiên cứu khoa học chuyên ngành có bề dày kinh nghiệm trong nghiên cứu đất đai, tài nguyên thiên nhiên, phân vùng sinh thái nông nghiệp và đánh giá điều kiện sản xuất nông nghiệp trên phạm vi toàn quốc. - Năng lực này đặc biệt phù hợp với yêu cầu xác lập cơ sở khoa học phục vụ bảo hộ CDĐL. - Là đơn vị nghiên cứu quốc gia có thế mạnh về thổ nhưỡng, nông hóa, điều kiện tự nhiên. Đội ngũ có chuyên gia từng làm việc tại Cục SHTT.	6. Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức và cá nhân tham gia - Tổ chức chủ trì có năng lực và kinh nghiệm phù hợp trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, đặc biệt là xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ cho địa phương. Chủ nhiệm nhiệm vụ có chuyên môn đúng lĩnh vực và đã tham gia nhiều nhiệm vụ tương tự. Nhóm nghiên cứu được bố trí tương đối hợp lý, đáp ứng yêu cầu triển khai các nội dung nghiên cứu chính. - Tuy nhiên, cơ cấu chuyên gia vẫn thiên về sở hữu trí tuệ, trong khi nhóm chuyên gia về khoa học nông nghiệp, thổ nhưỡng và phân tích chất lượng nông sản chưa thực sự mạnh. Đây là hạn chế nhất định đối với nội dung nghiên cứu xác định tính đặc thù và mối liên hệ địa lý của sản phẩm na La Hiên./.

THƯ KÝ KHOA HỌC



Tạ Ngọc Minh